

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 529/2023/HC-PT
Ngày: 12 - 7 - 2023
V/v: Khởi kiện yêu cầu hủy Quyết
định hành chính về quản lý đất đai

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Vân

Các Thẩm phán:

Ông Phan Đức Phương

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 829/2022/TLST-HC ngày 05/12/2022 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính về quản lý đất đai.”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1526/2023/QĐPT-HC ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1962. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: 30f/7, tổ I, KP B, phường T, TP B, Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2020) (xin vắng mặt).

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Tấn T1, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T2, chức vụ : Phó Chủ tịch

UBND huyện C (Văn bản ủy quyền số 3621/GUQ-UBND ngày 17/5/2021) (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C:

+ Ông Lê Văn B, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên – Môi trường huyện C (có mặt).

+ Ông Ngô Minh P, Giám đốc trung tâm P1, huyện C (có mặt).

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1964; (vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Thu C, sinh năm 1988; (vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Hoài L1, sinh năm 1989; (vắng mặt)

4. Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã X, huyện X, Đồng Nai. (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Tấn T3 sinh năm 1978; (có mặt)

6. Bà Lê Thị Bích T4, sinh năm 1987; (có mặt)

7. Cháu Nguyễn Thành T5, sinh năm 2008 (con của ông T3, bà T4); (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

8. Ông Đinh Viêt T6, sinh năm 1970; (vắng mặt)

9. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975; (vắng mặt)

10. Ông Lê Bá D, sinh năm 1967; (vắng mặt)

11. Bà Lê Thị H1; sinh năm 1969(vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T3, bà Lê Thị Bích T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc L trình bày:

Ông Nguyễn Ngọc L có quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số: 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 40, 42 và 44; tờ bản đồ số 19 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vào ngày 25/12/2019 UBND huyện C ban hành các Quyết định thu hồi đất số: 491/QĐ-UBND, 492/QĐ-UBND, 493/QĐ-UBND, 494/QĐ-UBND, 495/QĐ-UBND, 496/QĐ-UBND, 497/QĐ-UBND, 498/QĐ-UBND, 499/ QĐ-UBND, 500/QĐ-UBND để thu hồi đất với tổng diện tích 6.557,6m² thuộc các thửa đất trên. Đồng thời ban hành Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 -

2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai; có Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ kèm theo Mã số 37, theo đó UBND huyện C xác định diện tích đất các thửa của ông L bị thu hồi nêu trên là vị trí 4.

Nhận thấy việc xác định vị trí và áp giá bồi thường, hỗ trợ không đúng quy định, nhưng ông L vẫn chấp hành nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư thi công dự án đảm bảo tiến độ, đồng thời ông L có đơn khiếu nại đề nghị nâng mức bồi thường, hỗ trợ nhưng không được UBND huyện C giải quyết. Nay ông L khởi kiện hành chính yêu cầu Tòa án: Hủy Quyết định số 787/QĐ-UBND, ngày 25/12/2019 của UBND huyện C, về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất.

Căn cứ khởi kiện:

- Diện tích 6.557,6m², thuộc các thửa đất số: 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 40, 42 và 44; tờ bản đồ số 19 xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai của ông L bị thu hồi nằm liền khoảnh, liền kề nhau, cùng mục đích sử dụng, nằm mặt tiền đường hẻm có bề rộng hơn 4m và nằm cách đường B - M khoảng 300m. Theo điểm b khoản 2 Điều 6 quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 5 năm từ 2015 - 2019 ban hành kèm theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 và Phụ lục 1 của Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 quy định đường Mã Voi - Bưng Cẩn là đường nhóm 2. Như vậy, các thửa đất của ông L bị thu hồi là vị trí 3, nhưng UBND huyện C xác định là vị trí 4 để áp giá bồi thường, hỗ trợ là không đúng quy định.

- Theo Bảng chiết tính giá trị bồi thường, hỗ trợ Mã số 37 ban hành kèm theo Quyết định số 787/QĐ-UBND, ngày 25/12/2019 của UBND huyện C, về việc Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất của ông L; UBND huyện C đã không thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND, ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh Đ về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (cụ thể; giá đất nông nghiệp tại địa bàn xã X được nhân hệ số điều chỉnh giá đất là 2.0, nhưng UBND huyện C không thực hiện nhân hệ số để xác định giá đất năm 2019 mà vẫn giữ giá đất ban hành theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ) từ đó áp dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 15 Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND, ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Đ là không chính xác, không khách quan, không đúng quy định.

- Cùng bị thu hồi đất để thực hiện Dự án đường Cao tốc nêu trên, nhưng UBND huyện X áp giá bồi thường, hỗ trợ... theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ có hiệu lực từ ngày 01/01/2020, còn UBND huyện C áp giá bồi thường, hỗ trợ... theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ có hiệu lực đến ngày 31/12/2019 và ban hành Quyết định thu hồi đất ngày 25/12/2019 nên chỉ cách ngày có hiệu lực của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND, ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ có 6 ngày; từ đó dẫn đến việc áp dụng có sự chênh lệch rất lớn về giá trị đối với vị trí từng thửa đất bị thu hồi làm cho việc bồi thường hỗ trợ... không công bằng, gây thiệt hại cho người có Quyết định thu hồi đất trước.

Tại Văn bản số 4400/UBND-NC ngày 08/6/2021, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện C ông Lê Văn T2- Phó Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

Căn cứ pháp lý để ban hành Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C.

- Khoản 2, Điều 74, khoản 3, điểm đ, khoản 4, Điều 114, Luật Đất đai 2013

- Khoản 1, Điều 15, Nghị định số 44/2014/NĐ-CP của Chính phủ, quy định về giá đất;

- Khoản 1, Điều 20, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

- Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ, Ban hành quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2015-2019.

- Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện C.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện C ban hành Quyết định số 787/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C với tổng số tiền 3.218.957.688 đồng. Theo đó, UBND huyện đã thực hiện bồi thường đất nông nghiệp vị trí 4, diện tích 6.557,6 m² với giá 300.000 đồng/m² thành tiền 1.967.280.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc L.

Theo hồ sơ địa chính, thửa đất số 29, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã X, loại đất trồng cây lâu năm (CLN) tiếp giáp mặt tiền đường đất rộng 2,9m; Thửa đất số 30, 31, 32, 33, 34, 35, 42, 44, tờ bản đồ số 19, loại đất trồng cây hàng năm (LUK) và thửa đất số 40, tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã X, loại đất trồng cây hàng năm (BHK) không tiếp giáp đường giao thông.

Đôi chiếu quy định nêu trên, các thửa đất này không tiếp giáp đường nhóm 1, nhóm 2 (cách đường nhóm 2 trên 1.000m) theo quy định tại phụ lục I kèm theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ và có đường hẻm nhỏ hơn 5m nên các thửa đất này thuộc vị trí 4 (thửa đất cách đường chợ X - X có điểm đầu: Giáp đường X - L, điểm cuối: Giáp đường X - X, đơn vị hành chính cấp huyện: C; số thứ tự 69, đường N, Phụ lục I, Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ);

Đường M - Bưng Càn có điểm đầu: Quốc lộ A, điểm cuối: Giáp huyện C, đơn vị hành chính cấp huyện: X (số thứ tự 74, đường N, Phụ lục I, Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ). Huyện C không có tên đường M - Bưng Càn theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ tiêu thức phân vị trí trên, UBND huyện C đã thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L đất nông nghiệp vị trí 4 là đúng theo quy định.

Về áp giá tính bồi thường.

Căn cứ khoản 2, Điều 74, Luật Đất đai 2013, quy định về Nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Căn cứ khoản 3 và điểm đ, khoản 4, Điều 114, Luật Đất đai 2013. UBND cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

Ngày 05/12/2019, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 3960/QĐ-UBND, về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện C. Trong đó phê duyệt mức giá đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm, đất trồng lúa tại xã X xác định: Vị trí 2 (tiếp giáp đường X - L) là 763.000 đồng/m², vị trí 3 là 349.000 đồng/m², vị trí 4 là 300.000 đồng/m²; Đất nuôi trồng thủy sản: Vị trí 3 là 349.000 đồng/m², vị trí 4 là 300.000 đồng/m².

UBND huyện C đã thực hiện đền bù về giá đất đúng theo quy định của UBND tỉnh Đ tại Quyết định 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường và Thông báo nhận tiền bồi thường đến ông Nguyễn Ngọc L thì Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ đang có hiệu lực thi hành nên UBND huyện C áp dụng để tính vị trí đất nêu trên là đúng quy định.

Đồng thời, ngày 02/01/2020, ông Nguyễn Ngọc L có đơn đề nghị gửi UBND xã X, Hội đồng bồi thường, cho rằng diện tích đất còn lại 792,9m² quá ít, không thể canh tác được nên đề nghị xem xét thu hồi hết phần diện tích đất còn lại và bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông, gia đình ông cam kết không thắc mắc, khiếu nại về sau.

Do đó, ngày 14/7/2020, UBND huyện C ban hành các Quyết định: 277/QĐ-UBND, 278/QĐ-UBND, 279/QĐ-UBND, 280/QĐ-UBND, 281/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và Quyết định 294/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án với số tiền là **309.045.000** đồng.

- Về hỗ trợ bổ sung đối với phần diện tích chênh lệch tăng:

Để người có đất thu hồi ổn định cuộc sống, UBND huyện C đã báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ bổ sung phần diện tích chênh lệch tăng so với thông báo thu hồi đất năm 2016 theo Bảng giá đất kỳ 2020-2024 của UBND tỉnh.

Theo đề xuất, kiến nghị của UBND huyện C, ngày 21/02/2022, UBND tỉnh Đ ban hành văn bản số 1729/UBND-KTNS về việc xử lý vướng mắc trong công tác bồi thường, hỗ trợ dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D.

Thực hiện văn bản nêu trên của UBND tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất hợp đồng với đơn vị đo đạc tiến hành chồng ghép bản đồ địa chính, xác định diện tích thu hồi đất bổ sung tăng từ 04 làn xe lên 06 làn xe đối với tuyến đường C – Dầu Giây đoạn qua địa bàn huyện C để lập hồ sơ hỗ trợ bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh

- Về nhận tiền bồi thường: Ông L đã nhận đủ số tiền bồi thường là 3.528.002.688 đồng theo Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019, cụ thể:

Ngày 28/12/2019, Phiếu chi số 1157, số tiền: 3.206.957.688 đồng;

Ngày 19/3/2020, Phiếu chi số 1678, số tiền: 12.000.000 đồng;

Ngày 29/7/2020, Phiếu chi số 1854, số tiền: 309.045.000 đồng.

Ngày 15/3/2022, UBND huyện C đã ban hành quyết định số 153/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác theo quy định tại Điều 25, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ: Hỗ trợ bổ sung giá trị chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp thu hồi đất bổ sung từ 04 làn xe lên 06 làn xe thuộc Dự án thành phần đầu tư xây dựng đường C - D, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C. Theo đó, UBND huyện đã phê duyệt kinh phí hỗ trợ khác cho ông Nguyễn Ngọc L với số tiền là 205.024.000 đồng

Như vậy, UBND huyện C xác định việc ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét bác yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên các Quyết định của UBND huyện C đã ban hành..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị H, chị Nguyễn Thị Cẩm N, chị Nguyễn Thị Thu C, anh Trần Hoài L2 (vợ và các con của ông L) trình bày: Chúng tôi thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Ngọc L và không bổ sung gì thêm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được vắng mặt.

2. Ông Lê Bá D, bà Lê Thị H1, ông Đinh Viết T6 và bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Chúng tôi là những người đã chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông Nguyễn Tân T3 vào năm 2005. Hiện tại, chúng tôi không có ý kiến gì về tranh chấp. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chúng tôi.

3. Ông Nguyễn Tấn T3, bà Lê Thị Bích T4 trình bày: Do vợ chồng tôi không hiểu biết pháp luật, nên khi Nhà nước yêu cầu gì chúng tôi thực hiện đúng như vậy. Tất cả mọi việc chúng tôi đều nhờ anh L đại diện hết, từ việc giao đất cho đến khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đều do anh L đại diện, vợ chồng tôi có đi theo phụ anh L mà thôi. Khi nhận tiền xong anh L chia cho vợ chồng tôi đầy đủ. Lúc đó, chúng tôi tin tưởng Nhà nước giao tiền bồi thường, hỗ trợ bao nhiêu chúng tôi nhận bấy nhiêu, không biết gì cả nghĩ là đúng. Tuy nhiên, sau này chúng tôi biết có những hộ giống gia đình chúng tôi là bị thu hồi toàn bộ đất và tài sản trên đất đều được Nhà nước hỗ trợ tái định cư, nhưng gia đình chúng tôi, ngoài căn nhà trên chúng tôi không có căn nhà nào khác mà không được Nhà nước hỗ trợ tái định cư, do đó chúng tôi yêu cầu được xem xét cho được hưởng suất hỗ trợ tái định cư.

Tại Bản án số 68/2022/HC-ST ngày 15 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74 và Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về yêu cầu hủy Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã X, huyện C

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T3, Lê Thị Bích T4 kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Ngọc L, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn T3, Lê Thị Bích T4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T3 hủy Quyết định 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C. Lý do cùng một dự án UBND huyện C ra quyết định thu hồi đất ngày 25/12/2019 và áp dụng bảng giá đất năm 2014; còn UBND huyện X ra quyết định sau 6 ngày nhưng áp dụng bảng giá đất theo năm 2019 là không công bằng. Ông L thu hồi diện tích 6.557,6m² đất nông nghiệp bị thu hồi vị trí 4 là không đúng, đúng ra thửa đất của ông L bị thu hồi vị trí 3 mới đúng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung: Người khởi kiện kháng cáo không cung cấp được tài liệu mới chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Quyết định số 787/QĐ-UBND của UBND huyện C ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền là đúng quy định tại Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về vị trí đất bị thu hồi:

Người khởi kiện cho rằng toàn bộ diện tích thu hồi là ở vị trí 3 nhưng UBND huyện C xác định vị trí 4 để áp giá bồi thường là không đúng, không được hỗ trợ tái định cư.

Xét, theo hồ sơ địa chính, các thửa đất số: 30, 31, 32, 33, 34, 35, 42 và 44, là đất trồng cây hàng năm (LUK), thửa 40 (BKH) cùng tờ bản đồ số 19, bản đồ địa chính xã X cách đường C - X lớn hơn 1.000m và thửa đất số 29 là đất ở và đất trồng cây lâu năm (ONT+CLN) tờ bản đồ số 8, bản đồ địa chính xã X tiếp giáp mặt tiền đường đất rộng 2,9m; cách đường chợ X - X lớn hơn 1000m, thuộc đoạn còn lại.

Đối chiếu với quy định điểm b, khoản 2, Điều 6, Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015-2019 thì vị trí đất nông nghiệp tại nông thôn của các thửa đất này không tiếp giáp đường nhóm 1, nhóm 2 (cách đường nhóm 2 trên 1.000m) theo quy định tại phụ lục I kèm theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ và có đường hẻm nhỏ hơn 5m nên các thửa đất này thuộc vị trí 4 (thửa đất cách đường chợ X - X có điểm đầu: Giáp đường X - L, điểm cuối: Giáp đường X - X, đơn vị hành chính cấp huyện: C; số thứ tự 69, đường N, Phụ lục I, Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ);

Đường M - Bưng Cần có điểm đầu: Quốc lộ A, điểm cuối: Giáp huyện C, đơn vị hành chính cấp huyện: X (số thứ tự 74, đường N, Phụ lục I, Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ). Huyện C không có tên đường M - Bưng Cần theo Quyết định 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ.

Căn cứ tiêu chí phân vị trí trên, UBND huyện C đã thực hiện bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc L đất nông nghiệp vị trí 4 là đúng theo quy định.

[2.2] Về áp giá bồi thường:

Tổng diện tích đất của ông L bị thu hồi là 6.557,6m². Theo Quyết định số 3960/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc Phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua huyện C thì giá đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm (xã X), vị trí 4 là 300.000 đồng. Như vậy, UBND huyện C bồi thường cho ông L 1.967.280.000 đồng (= 6.557,6m² x 300.000 đồng/m²) là đúng quy định.

Ngày 25/12/2019, UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường và Thông báo nhận tiền bồi thường đến ông Nguyễn Ngọc L thì Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, Quyết định số 3960/QĐ- UBND ngày 05/12/2019 của UBND tỉnh Đ đang có hiệu lực thi hành nên UBND huyện C áp dụng để tính vị trí đất nêu trên là đúng quy định.

Do đó, ông L trình bày U bồi thường sai vị trí và áp dụng giá bồi thường năm 2014 là không đúng nên không được chấp nhận.

[2.3] Về chính sách hỗ trợ:

Căn cứ Điều 15 Quyết định 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/2/2018 của UBND tỉnh Đ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thì mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại huyện C được hưởng là 2 lần (Hai lần) giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của UBND tỉnh đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi.

UBND huyện C có vi phạm về thời hạn thông báo đối với việc thu hồi diện tích đất tăng thêm (1281,4m²) khi Dự án được mở rộng thêm 02 làn đường theo Nghị quyết số 52/2017/QH14 thay đổi quy mô dự án từ 04 làn xe thành 06 làn xe, Quyết định số 787 áp đơn giá đất nông nghiệp theo Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (30.000đ/m²) khi hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho gia đình ông L là chưa phù hợp đối với phần diện tích này.

Tuy nhiên, sau đó UBND huyện đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 theo đó áp dụng đơn giá năm 2020 theo Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ quy định về Bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm giai đoạn 2020 – 2024 (110.000đ/m²) để bổ sung phần chênh lệch thành tiền là 205.024.000đ.

Như vậy, quyền lợi của người bị thu hồi đất trong trường hợp này đã được đảm bảo.

[2.4] Về tái định cư:

Ông Nguyễn Ngọc L có viết giấy cam kết xác định ông và vợ của ông là bà Trần Thị H đang là chủ sử dụng đất đối với thửa đất số 29, 30, 31, 32, 33, 34,

35, 40, 42, 44 tờ bản đồ số 19 và cam kết các thửa đất nêu trên do vợ chồng ông sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Ngày 02/01/2020 ông Nguyễn Ngọc L có “Đơn đề nghị” về việc thu hồi hết phần đất còn lại ngoài phạm vi thu hồi đất và xác định là chủ sử dụng thửa đất số 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 40, 42, 44 tờ bản đồ số 19 và đề nghị thu hồi hết diện tích đất còn lại 792,9 m², do quá ít không thể canh tác được.

Ngoài ra, ông L cũng là người trực tiếp nhận tiền bồi thường theo các phiếu chi: số 1157 ngày 28/12/2019, số 1678 ngày 19/3/2020, số 1854 ngày 29/7/2020 và phiếu chi số 83 ngày 15/3/2022.

Như vậy, tại thời điểm nhận: Thông báo thu hồi đất; Biên bản kiểm kê về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất; Biên bản ghi nhận ý kiến đóng góp về việc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất; Các quyết định thu hồi đất; Các Quyết định về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất; Thông báo nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng... ông Nguyễn Tấn T3 và bà Lê Thị Bích T4 đều biết nhưng ông, bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giấy tờ xác định diện tích đất của ông bà đang sử dụng để thể hiện cho địa phương biết ông bà là người có đất bị thu hồi và có yêu cầu hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Toàn bộ quá trình UBND huyện C lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ cho người có đất bị thu hồi thể hiện ông Nguyễn Ngọc L là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp tại địa phương và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp và trường hợp của ông L là không ở trên đất bị thu hồi, nên không có cơ sở hỗ trợ tái định cư.

Do đó, yêu cầu của ông L, ông T3 và bà T4 kháng cáo về việc yêu cầu hỗ trợ tái định cư cho ông T3, bà T4 là không có cơ sở xem xét.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông L là có căn cứ. Ông L, ông T3 và bà T4 kháng cáo nhưng không có căn cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông bà, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông L được miễn án phí, ông T3, bà T4 phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc L, ông Nguyễn Tấn T3, bà Lê Thị Bích T4.

Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm:

Căn cứ Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 66, Điều 67, Điều 69, Điều 74 và Điều 114 Luật đất đai năm 2013.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc L về yêu cầu hủy Quyết định số 787/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của UBND huyện C về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do thu hồi đất để thực hiện dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc trên tuyến Bắc - N phía Đông giai đoạn 2017-2020, đoạn qua địa bàn xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ

2. Về án phí hành chính:

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Xuân T nộp thay theo biên lai thu số 0002544 ngày 28/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Ngọc L được miễn án phí; ông Nguyễn Tấn T3 và Lê Thị Bích T4 mỗi người phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 0000457 ngày 13/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đường sự ;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Huyền Vân